

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ 3 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ 3 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2024

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01 – DN/HN)	3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02 – DN/HN)	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03 – DN/HN)	7
Thuyết minh cho báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09 – DN/HN)	8

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 30 ngày 11 tháng 1 năm 2024.

Hội đồng Quản trị

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch
Ông Đào Phúc Trí	Phó Chủ tịch
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên
Ông Kim Min Soo	Thành viên (bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên (miễn nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Bà Lê Thị Quỳnh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023)
Ông Đào Phúc Trí	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023)
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 5 tháng 6 năm 2023)
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2023)
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2023)
Bà Lê Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2023)
Ông Lê Minh Nhật Tín	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 6 tháng 4 năm 2023)

Người đại diện theo pháp luật

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc

Ông Chế Đoàn Viên được bà Ngô Thị Vân Hạnh ủy quyền kí báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 và các văn bản giải trình liên quan theo Giấy Ủy Quyền số 102A-2404-GUQ-YEG có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2024

Trụ sở chính

Tầng 7, Tòa nhà Galleria, 258 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 3 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của kỳ kế toán kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm từ trang 3 đến trang 44. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 3 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Chế Đoàn Viên
Phó Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 25 tháng 04 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.03.2024 VND	31.12.2023 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		655.698.205.180	550.345.281.762
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.432.830.366	6.392.544.437
111	Tiền		2.432.830.366	2.192.544.437
112	Các khoản tương đương tiền		-	4.200.000.000
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		230.000.000	230.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		230.000.000	230.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		623.174.095.771	522.012.565.290
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	114.565.001.372	112.326.811.147
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		21.595.294.590	2.549.093.165
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	6(a)	297.403.078.125	270.238.767.925
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	211.728.554.685	159.015.726.054
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(22.117.833.001)	(22.117.833.001)
140	Hàng tồn kho		24.898.709.652	18.471.428.571
141	Hàng tồn kho		24.898.709.652	18.471.428.571
150	Tài sản ngắn hạn khác		4.962.569.391	3.238.743.464
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	4.080.704.018	3.238.743.464
152	Thuế GTGT được khấu trừ	14	881.865.373	-

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 44 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

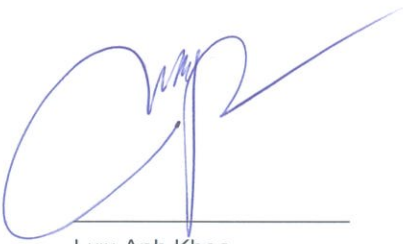
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.03.2024 VND	31.12.2023 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		1.347.123.089.827	1.393.011.400.848
210	Các khoản phải thu dài hạn		220.509.096.854	227.793.196.854
215	Phải thu về cho vay dài hạn	6(b)	14.201.263.754	21.412.263.754
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	206.307.833.100	206.380.933.100
220	Tài sản cố định		85.818.837.813	78.555.370.522
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	203.303.286	181.819.198
222	Nguyên giá		734.992.863	695.101.954
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(531.689.577)	(513.282.756)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	85.615.534.527	78.373.551.324
228	Nguyên giá		97.493.722.235	85.512.962.231
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(11.878.187.708)	(7.139.410.907)
240	Tài sản dở dang dài hạn		5.000.000.000	5.000.000.000
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	5.000.000.000	5.000.000.000
250	Đầu tư tài chính dài hạn		1.034.731.622.715	1.080.639.622.715
251	Đầu tư vào công ty con	4(a)	1.296.177.412.233	1.342.337.412.233
252	Đầu tư vào công ty liên kết	4(b)	232.013.250.000	231.761.250.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(c)	17.715.625.000	17.715.625.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4	(511.174.664.518)	(511.174.664.518)
260	Tài sản dài hạn khác		1.063.532.445	1.023.210.757
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	1.063.532.445	1.023.210.757
270	TỔNG TÀI SẢN		2.002.821.295.007	1.943.356.682.610

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 44 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.03.2024 VND	31.12.2023 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		319.104.573.240	259.891.332.597
310	Nợ ngắn hạn		225.081.462.797	165.525.413.280
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	56.773.118.950	67.795.676.253
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	25.031.172.268	24.616.965.143
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	3.778.967.362	1.537.872.433
314	Phải trả người lao động		1.529.148.037	1.529.147.261
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	7.044.755.129	5.287.267.886
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		6.293.384.356	-
319	Phải trả ngắn hạn khác	16	55.804.511.832	41.747.660.304
320	Vay ngắn hạn	17	68.826.404.863	23.010.824.000
330	Nợ ngắn hạn		94.023.110.443	94.365.919.317
338	Vay dài hạn	17	94.023.110.443	94.365.919.317
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.683.716.721.767	1.683.465.350.013
410	Vốn chủ sở hữu		1.683.716.721.767	1.683.465.350.013
411	Vốn góp của chủ sở hữu	18,19	1.313.532.640.000	1.313.532.640.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.313.532.640.000	1.313.532.640.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	19	140.518.254	140.518.254
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	19	370.043.563.513	369.792.191.759
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		369.792.191.759	317.666.606.594
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		251.371.754	52.125.585.165
440	TỔNG NGUỒN VỐN		2.002.821.295.007	1.943.356.682.610


Lưu Anh Khoa
Người lập

Nguyễn Thị Khánh Trang
Kế toán trưởngChế Đoàn Viên
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 04 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 44 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày	
		31.03.2024 VND	31.03.2023 VND
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.622.353.465	14.764.339.803
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.622.353.465	14.764.339.803
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(23.327.315.043)	(10.652.233.549)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.295.038.422	4.112.106.254
21	Doanh thu hoạt động tài chính	6.660.745.981	5.755.450.858
22	Chi phí tài chính	(3.073.959.002)	(3.369.787.201)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(3.073.959.002)	(3.369.787.201)
25	Chi phí bán hàng	-	-
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(21.091.288.194)	(5.065.560.651)
30	(Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(209.462.793)	1.432.209.260
31	Thu nhập khác	470.629.296	-
32	Chi phí khác	(9.794.749)	(2.293.742)
40	Lợi nhuận/(Lỗ) khác	460.834.547	(2.293.742)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	251.371.754	1.429.915.518
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	251.371.754	1.429.915.518


 Lưu Anh Khoa
 Người lập


 Nguyễn Thị Khánh Trang
 Kế toán trưởng




 Chế Đoàn Viên
 Phó Tổng Giám đốc
 Ngày 25 tháng 04 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 44 là một phần cấu thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày	
		31.03.2024 VND	31.03.2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	251.371.754	1.429.915.518
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và phân bổ lợi thế thương mại	41.426.040	42.873.294
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(6.660.745.981)	(5.755.450.858)
06	Chi phí lãi vay	3.073.959.002	3.369.787.201
08	(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(3.293.989.185)	(912.874.845)
09	Tăng các khoản phải thu	(73.108.801.404)	(67.681.429.908)
10	Tăng hàng tồn kho	(6.427.281.081)	(69.884.800)
11	Tăng các khoản phải trả	48.470.413.080	1.802.868.106
12	(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	(882.282.242)	843.116.209
14	Tiền lãi vay đã trả	(1.108.796.759)	(45.767.930)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(36.350.737.591)	(66.063.973.168)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	(55.225.836.689)	(37.798.890.853)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	39.472.526.489	52.373.280.757
25	Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác	(4.092.000.000)	(251.761.250.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6.000.000.000	13.983.200.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	763.561.731	70.955.819
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(13.081.748.469)	(223.132.704.277)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ vay	57.386.580.863	308.425.092.260
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(11.913.808.874)	(33.141.141.217)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	45.472.771.989	275.283.951.043
Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ			
50		(3.959.714.071)	(13.912.726.402)
60	Tiền và đương tương tiền đầu kỳ	6.392.544.437	17.365.013.108
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	2.432.830.366	3.452.286.706


 Lưu Anh Khoa
 Người lập


 Nguyễn Thị Khánh Trang
 Kế toán trưởng




 Phó Tổng Giám đốc
 Ngày 25 tháng 04 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 44 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ 3 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2024****1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 12 tháng 9 năm 2006, GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 30 ngày 11 tháng 1 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán – Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 19 tháng 6 năm 2018 với mã giao dịch cổ phiếu là YEG.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là truyền thông giải trí và quản lý.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm hoạt động tư vấn quản lý; quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2024, Công ty có 93 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 77 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2024, Công ty có 14 công ty con trực tiếp và 2 công ty con gián tiếp (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 15 công ty con trực tiếp và 3 công ty con gián tiếp) được trình bày trong thuyết minh 4 – Đầu tư tài chính

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các công ty con là những công ty mà Tập đoàn kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2.5 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Đầu tư tài chính**(a) Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.7 Đầu tư tài chính (tiếp theo)****(a) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)**

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(c) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc đã dự đoán khi đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.8 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”)***TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	10% – 20%/năm
Phương tiện vận tải	10% – 33%/năm
Thiết bị quản lý	33%/năm
Bản quyền chương trình	10% – 20%/năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	2% – 10%/năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.10 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.12 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

2.13 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ bên liên quan và các cá nhân.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

2.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập nhưng chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.16 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối/(lỗ lũy kế) phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.17 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.18 Ghi nhận doanh thu**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****(c) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.19 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.20 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm dự phòng giảm giá các khoản đầu tư và chi phí lãi vay.

2.21 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.23 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của kỳ hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.24 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh 4);
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh 8); và

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31.3.2024 VND	31.12.2023 VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.432.830.366	2.192.544.437
Các khoản tương đương tiền	-	4.200.000.000
TỔNG CỘNG	2.432.830.366	6.392.544.437

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư vào công ty con

					31.03.2024			31.12.2023			
STT	Tên công ty	Nơi thành lập	Hoạt động chính	Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
1	Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình truyền hình	99,00	29.700.000.000	(*)	29.700.000.000	99,00	29.700.000.000	(*)	29.700.000.000
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất phim	99,98	399.900.000.000	(*)	399.900.000.000	99,98	399.900.000.000	(*)	399.900.000.000
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Phim Đại sứ trẻ	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất phim, viễn thông và quảng cáo	67,00	6.300.000.000	(*)	6.300.000.000	67,00	6.300.000.000	(*)	6.300.000.000
4	Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại GIGA1	TP. Hồ Chí Minh	Các hoạt động sáng tạo, nghệ thuật và giải trí	99,98	588.167.412.233	(*)	-	99,98	588.167.412.233	(*)	-
5	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thẩm dò dư luận	99,89	79.910.000.000	(*)	32.352.924.293	99,89	79.910.000.000	(*)	32.352.924.293
6	Công ty Cổ phần YAG Entertainment	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động chiếu phim, hoạt động hậu kỳ, ghi âm và xuất bản âm nhạc	99,70	15.640.000.000	(*)	15.640.000.000	99,70	15.640.000.000	(*)	15.640.000.000
7	Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV (**)	TP. Hà Nội	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	-	-	-	51,00	40.000.000.000	(*)	-
8	Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động hậu kỳ, chiếu phim, ghi âm và xuất bản âm nhạc	70,00	10.538.000.000	(*)	7.493.872.062	70,00	10.538.000.000	(*)	7.493.872.062
9	Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	50,98	12.000.000	(*)	-	50,98	12.000.000	(*)	-
10	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	Tỉnh Bến Tre	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính	51,00	10.000.000	(*)	-	51,00	10.000.000	(*)	-
11	Công ty TNHH 1Production	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	100,00	139.000.000.000	(*)	-	100,00	139.000.000.000	(*)	-
12	Công ty TNHH Yeah1 Up	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	99,99	23.000.000.000	(*)	8.620.503.672	99,99	23.000.000.000	(*)	8.620.503.672

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Nơi thành lập	Hoạt động chính	31.03.2024				31.12.2023			
				Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc		Dự phòng	Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc		Dự phòng
					VND	VND			VND	VND	
13	Công ty TNHH STVProduction (**)	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	-	-	-	-	100,00	10.000.000.000	(*)	-
14	Công ty TNHH Adlink Network	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	100,00	2.000.000.000	(*)	-	100,00	40.000.000	(*)	-
15	Công ty TNHH 1Talent	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	100,00	2.000.000.000	(*)	-	100,00	120.000.000	(*)	-
16	Công ty Cổ phần 1Labels (***)	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	51,00	-	-	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG					1.296.177.412.233	500.007.300.027			1.296.177.412.233		500.007.300.027

(*) Tại ngày 31 tháng 3 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Vào ngày 15 tháng 3 năm 2024, Tập đoàn đã hoàn thành việc chuyển nhượng lại 100% vốn góp của Công ty TNHH STVProduction ("STVPro") cho Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV ("STV") theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 94/2403/NQ/HĐQT/YEG ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Hợp đồng Chuyển nhượng Số 80-2403-HĐCN-YEG-STV ngày 15 tháng 3 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong STVPro giảm từ 100% xuống 51%. Tiếp đến vào ngày 29 tháng 3 năm 2024, Tập đoàn đã chuyển nhượng 2.295.000 cổ phần, tương ứng với 51,19% của STV cho đối tác theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Số 125-2403-HĐCN-YEG-NNQ và được phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 97/2403/NQ/HĐQT/YEG cùng ngày, qua đó STV không còn là công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

(***) Vào ngày 14 tháng 3 năm 2024, Chủ tịch HĐQT Tập đoàn ban hành quyết định số 81/2403/QĐ/CTHĐQT/YEG thông qua việc góp vốn thành lập mới Công ty Cổ phần 1Labels ("1Labels") với vốn điều lệ 2.000.000.000 đồng. Thông qua việc thành lập này, 1Labels trở thành công ty con trực tiếp của Tập đoàn với tỉ lệ sở hữu 51,00% trên vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Ngoài ra, Công ty có các công ty con gián tiếp như sau:

STT	Tên	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	31.03.2024				31.12.2023			
				Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)
1	Công ty Cổ phần Gigagoods	TP. Hồ Chí Minh	Bán lẻ	50,99	51,00	50,99	51,00	50,99	51,00	50,99	51,00
2	Công ty Cổ phần Phân phối Gigawin	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	58,99	59,00	58,99	59,00	58,99	59,00	58,99	59,00
3	Công ty TNHH MTV Style TV (**)	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	-	-	-	51,00	100,00	51,00	100,00

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

STT	Tên công ty	Tại ngày 31.03.2024								Tại ngày 31.12.2023							
		Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
1	Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital (*)	39,50	39,50	128.756.250.000	(*)	(*)	-	39,50	39,50	128.756.250.000	(*)	(*)	-	39,50	39,50	128.756.250.000	(*)
2	Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam (*)	35,00	35,00	103.257.000.000	(*)	(*)	-	35,00	35,00	103.005.000.000	(*)	(*)	-	35,00	35,00	103.005.000.000	(*)
TỔNG CỘNG																231.761.250.000	

(*) Tại ngày 31 tháng 3 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

- 4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)
- (c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	31.03.2024				31.12.2023					
			Tỷ lệ sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
1	Công ty Cổ phần Gamify Việt Nam	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	15,00	15,00	1.858.000.000	(*)	1.858.000.000	15,00	15,00	1.858.000.000	(*)	1.858.000.000
2	Công ty cổ phần Công nghệ và Truyền thông ADSBNC	Cổng thông tin, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	4,40	4,40	6.000.000.000	(*)	6.000.000.000	4,40	4,40	6.000.000.000	(*)	6.000.000.000
3	Công ty Cổ phần Shopiness	Cổng thông tin xử lí dữ liệu và các hoạt động có liên quan	10,00	10,00	1.757.625.000	(*)	1.757.625.000	10,00	10,00	1.757.625.000	(*)	1.757.625.000
4	Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Trò chơi điện tử và dịch vụ giải trí	18,00	18,00	8.100.000.000	(*)	1.551.739.491	18,00	18,00	8.100.000.000	(*)	1.551.739.491
TỔNG CỘNG						17.715.625.000		11.167.364.491		17.715.625.000		11.167.364.491

(*) Tại ngày 31 tháng 3 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31.03.2024 VND	31.12.2023 VND
Bên thứ ba	97.679.816.002	101.015.131.232
<i>Công ty Cổ phần Tera Group</i>	<i>51.192.457.414</i>	<i>52.456.952.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Ban Media</i>	<i>19.677.758.193</i>	<i>22.854.759.622</i>
<i>Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV</i>	<i>7.185.661.799</i>	<i>22.360.890.688</i>
<i>Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending</i>	<i>2.532.985.130</i>	<i>2.490.070.000</i>
<i>Khác</i>	<i>17.090.953.466</i>	<i>852.458.922</i>
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	16.885.185.370	11.311.679.915
TỔNG CỘNG	114.565.001.372	112.326.811.147
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 8)	(1.158.799.295)	(1.158.799.295)
GIÁ TRỊ THUẦN	113.406.202.077	111.168.011.852

6 PHẢI THU VỀ CHO VAY**(a) Ngắn hạn**

	31.03.2024 VND	31.12.2023 VND
Bên thứ ba	268.548.242.125	246.194.931.925
<i>Công ty Cổ phần Vital Investment Group</i>	<i>119.000.000.000</i>	<i>119.000.000.000</i>
<i>Ông Trần Minh Việt</i>	<i>45.960.311.001</i>	<i>45.960.311.001</i>
<i>Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV</i>	<i>45.220.500.000</i>	<i>36.118.500.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Tera Group</i>	<i>32.240.000.000</i>	<i>23.730.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Truyền thông Power</i>	<i>9.090.000.000</i>	<i>9.090.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến</i>	<i>3.270.000.000</i>	<i>2.140.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending</i>	<i>5.134.862.703</i>	<i>5.134.862.703</i>
<i>Khác</i>	<i>8.632.568.421</i>	<i>5.021.258.221</i>
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	28.854.836.000	24.043.836.000
TỔNG CỘNG	297.403.078.125	270.238.767.925

(b) Dài hạn

	31.03.2024 VND	31.12.2023 VND
Bên thứ ba	7.171.575.396	7.171.575.396
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến</i>	<i>3.564.300.000</i>	<i>3.564.300.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Finbase</i>	<i>2.126.000.000</i>	<i>2.126.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending</i>	<i>1.181.275.396</i>	<i>1.181.275.396</i>
<i>Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ Win</i>	<i>300.000.000</i>	<i>300.000.000</i>
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	7.029.688.358	14.240.688.358
TỔNG CỘNG	14.201.263.754	21.412.263.754

7 PHẢI THU KHÁC**(a) Ngắn hạn**

	31.03.2024 VND	31.12.2023 VND
Tạm ứng cho nhân viên	91.793.441.785	66.600.322.319
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	69.493.174.306	67.911.013.887
Phải thu lãi cho vay	14.680.937.284	21.952.487.777
Đặt cọc	1.477.711.125	1.512.711.125
Phải thu cổ tức	2.625.551	2.625.551
Phải thu từ chuyển nhượng vốn góp	34.000.000.000	-
Khác	280.664.634	1.036.565.395
TỔNG CỘNG	211.728.554.685	159.015.726.054
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 8)	(20.959.033.706)	(20.959.033.706)
GIÁ TRỊ THUẦN	190.769.520.979	138.056.692.348
Trong đó:		
Bên thứ ba	205.348.416.901	154.340.726.242
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	6.380.137.784	4.674.999.812

(b) Dài hạn

	31.03.2024 VND	31.12.2023 VND
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	199.875.000.000	199.875.000.000
Đặt cọc, ký quỹ, ký cược	6.432.833.100	6.505.933.100
TỔNG CỘNG	206.307.833.100	206.380.933.100

(*) Số dư thể hiện khoản tạm ứng hợp đồng hợp tác kinh doanh về dự án đầu tư các start-up. Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính riêng, dự án vẫn đang trong quá trình triển khai.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

8 NỢ KHÓ ĐÒI

	31.03.2024		31.12.2023	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty TNHH Yeah1 Vision	3.163.801.860	2.005.002.565	3.163.801.860	2.005.002.565
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	149.824.729	-	149.824.729	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	523.907.131	261.953.565	523.907.131	261.953.565
	2.490.070.000	1.743.049.000	2.490.070.000	1.743.049.000
				-
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn	22.275.335.920	1.316.302.214	22.275.335.920	1.316.302.214
Công ty Cổ phần Phát triển UP	19.600.000.000	-	19.600.000.000	-
Khác	1.000.000.000	300.000.000	1.000.000.000	300.000.000
	1.675.335.920	1.016.302.214	1.675.335.920	1.016.302.214
TỔNG CỘNG	25.439.137.780	3.321.304.779	25.439.137.780	3.321.304.779
				(22.117.833.001)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	31.03.2024 VND	31.12.2023 VND
Chi phí dịch vụ trả trước	3.977.440.661	2.608.454.005
Công cụ, dụng cụ	48.417.522	23.183.793
Khác	54.845.835	607.105.666
TỔNG CỘNG	4.080.704.018	3.238.743.464

(b) Dài hạn

	31.03.2024 VND	31.12.2023 VND
Chi phí dịch vụ trả trước	592.112.568	316.725.881
Chi phí cải tạo văn phòng	256.390.718	411.547.424
Công cụ, dụng cụ	215.029.159	294.937.452
TỔNG CỘNG	1.063.532.445	1.023.210.757

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) TSCĐ hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	695.101.954	695.101.954
Mua trong năm	39.890.909	39.890.909
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2024	734.992.863	734.992.863
Giá trị khấu hao lũy kế		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	(513.282.756)	(513.282.756)
Khấu hao trong năm	(18.406.821)	(18.406.821)
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2024	(531.689.577)	(531.689.577)
Giá trị còn lại		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	181.819.198	181.819.198
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2024	203.303.286	203.303.286

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN/HN

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) TSCĐ vô hình

	Nhãn hiệu, tên thương mại VND	Phần mềm máy tính VND	Bản quyền chương trình VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	2.524.382.154	160.000.000	82.828.580.077	85.512.962.231
Mua trong năm	-		11.980.760.004	11.980.760.004
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2024	2.524.382.154	160.000.000	94.809.340.081	97.493.722.235
Giá trị khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	(769.332.656)	(13.333.335)	(6.356.744.916)	(7.139.410.907)
Khấu hao trong năm	(15.019.218)	(8.000.001)	(4.715.757.582)	(4.738.776.801)
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2024	(784.351.874)	(21.333.336)	(11.072.502.498)	(11.878.187.708)
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	1.755.049.498	146.666.665	76.471.835.161	78.373.551.324
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2024	1.740.030.280	138.666.664	83.736.837.583	85.615.534.527

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31.03.2024 VND	31.12.2023 VND
Dự án triển khai phần mềm quản lý phân phối DMS	5.000.000.000	5.000.000.000
TỔNG CỘNG	5.000.000.000	5.000.000.000



12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31.03.2024 VND	31.12.2023 VND
Bên thứ ba	55.660.359.074	65.524.916.377
<i>Công ty TNHH STVProduction</i>	52.443.333.335	41.866.666.668
<i>Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV</i>	-	19.395.000.000
<i>Khác</i>	3.217.025.739	4.263.249.709
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	1.112.759.876	2.270.759.876
TỔNG CỘNG	56.773.118.950	67.795.676.253

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

13 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31.03.2024 VND	31.12.2023 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	25.031.172.268	24.616.965.143
TỔNG CỘNG	25.031.172.268	24.616.965.143

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN/HN

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước như sau:

	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 31.03.2024 VND
(a) Phải thu			
Thuế GTGT được khấu trừ	3.850.693.081	(2.968.827.708)	881.865.373
TỔNG CỘNG	3.850.693.081	(2.968.827.708)	881.865.373
(b) Phải nộp			
Thuế GTGT	2.968.827.708	(3.479.831.419)	500.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	1.666.539.079	-	1.959.309.812
Thuế khác	1.423.299.609	(337.740.048)	1.319.657.550
TỔNG CỘNG	6.058.666.396	(3.817.571.467)	3.778.967.362

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31.03.2024 VND	31.12.2023 VND
Lương và thưởng nhân viên	230.000.000	2.018.064.776
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.406.054.120	3.077.611.329
Chi phí lãi vay	2.408.701.009	191.591.781
TỔNG CỘNG	7.044.755.129	5.287.267.886
Trong đó:		
Bên thứ ba	4.640.767.770	3.272.736.086
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	2.403.987.359	2.014.531.800

16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31.03.2024 VND	31.12.2023 VND
Phải trả tiền nhận góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	31.500.000.000	31.500.000.000
Phải trả về hợp đồng hợp tác kinh doanh	11.872.792.034	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	1.495.377.039	928.353.799
Lãi vay	2.362.400.718	4.677.816.755
Khác	8.573.942.041	4.641.489.750
TỔNG CỘNG	55.804.511.832	41.747.660.304
Trong đó:		
Bên thứ ba	51.875.743.957	38.829.551.669
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	3.928.767.875	2.918.108.635

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn không có khoản phải trả khác ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

17 VAY

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 01.01.2024 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31.03.2024 VND
Vay ngân hàng	10.000.000.000	34.839.580.863	(2.500.000.000)	42.339.580.863
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	10.000.000.000	34.839.580.863	(2.500.000.000)	42.339.580.863
Vay bên thứ ba	4.260.824.000	7.997.000.000	(5.521.000.000)	6.736.824.000
Công ty Cổ phần Ban Media	2.260.824.000	1.700.000.000	(3.500.000.000)	460.824.000
Bà Nguyễn Thị Khánh Hòa	-	6.297.000.000	(21.000.000)	6.276.000.000
Bà Vũ Thị Ngọc Trinh	2.000.000.000		(2.000.000.000)	-
Vay bên liên quan	8.750.000.000	14.550.000.000	(3.550.000.000)	19.750.000.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	5.950.000.000	10.250.000.000	(600.000.000)	15.600.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	2.300.000.000	-	(1.150.000.000)	1.150.000.000
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	-	3.400.000.000	(1.600.000.000)	1.800.000.000
Công ty TNHH Vietnam Music Award	200.000.000	700.000.000	(200.000.000)	700.000.000
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	300.000.000	200.000.000	-	500.000.000
TỔNG CỘNG	23.010.824.000	57.386.580.863	(11.571.000.000)	68.826.404.863

(b) Dài hạn

	Tại ngày 01.01.2024 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31.03.2024 VND
Vay ngân hàng	37.500.000.000	-	-	37.500.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	37.500.000.000	-	-	37.500.000.000
Vay bên liên quan	56.865.919.317	-	(342.808.874)	56.523.110.443
Công ty Cổ Phần Giải trí Yeah1	54.603.842.260	-	-	54.603.842.260
Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam	1.919.268.183	-	-	1.919.268.183
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	342.808.874	-	(342.808.874)	-
	94.365.919.317	-	(342.808.874)	94.023.110.443

18 VỐN CHỦ SỞ HỮU**(a) Số lượng cổ phiếu**

	31.03.2024	31.12.2023
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	131.353.264	131.353.264
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	131.353.264	131.353.264
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	131.353.264	131.353.264

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31.03.2024		31.12.2023	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Bà Lê Phương Thảo	7.232.400	5,51	7.232.400	5,51
Ông Chế Đoàn Viên	6.371.400	4,85	6.371.400	4,85
Ông Đào Phúc Trí	6.027.000	4,59	6.027.000	4,59
Cổ đông khác	111.722.464	85,05	111.722.464	85,05
TỔNG CỘNG	131.353.264	100,00	131.353.264	100,00

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	31.279.968	31.279.968	31.279.968
Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	45.000.000	45.000.000	45.000.000
Phát hành cho cổ đông hiện hữu	55.073.296	55.073.296	55.073.296
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 3 năm 2024	131.353.264	131.353.264	131.353.264

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN/HN

19 TÍNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	312.799.680.000	550.873.478.254	317.666.606.594	1.181.339.764.848
Phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược (*)	450.000.000.000	-	-	450.000.000.000
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (**)	550.732.960.000	(550.732.960.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	52.125.585.165	52.125.585.165
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.313.532.640.000	140.518.254	369.792.191.759	1.683.465.350.013
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	251.371.754	251.371.754
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2024	1.313.532.640.000	140.518.254	370.043.563.513	1.683.716.721.767

(*) Vào ngày 13 tháng 9 năm 2023, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“SSC”) thông báo đã nhận được báo cáo của Công ty về kết quả phát hành 45.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu, phê duyệt bởi Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 125/2303/NQ/ĐHĐCĐ/YEG ngày 14 tháng 3 năm 2023, Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 284/2306/YEG/BBH/ĐHĐCĐ ngày 2 tháng 6 năm 2023, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 279/2306/YEG/NQ/ĐHĐCĐ ngày 2 tháng 6 năm 2023 và phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 204/2305/NQ-HĐQT/YEG ngày 5 tháng 5 năm 2023. Vào ngày 2 tháng 11 năm 2023, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 29 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 312.799.680.000 VND lên 762.799.680.000 VND.

(**) Vào ngày 28 tháng 12 năm 2023, SSC thông báo cáo của Công ty về kết quả phát hành 55.073.296 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1.000:722 từ nguồn thặng dư vốn cổ phần, theo phê duyệt của Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 607-2311-NQ-ĐHĐCĐ-YEG ngày 3 tháng 11 năm 2023, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 612-2311-NQ-HĐQT-YEG ngày 6 tháng 11 năm 2023 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 641-2311-NQ-HĐQT-YEG ngày 24 tháng 11 năm 2023. Vào ngày 11 tháng 1 năm 2024, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 30 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 762.799.680.000 VND lên 1.313.532.640.000 VND.

20 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày	
	31.03.2024 VND	31.03.2023 VND
Doanh thu thuần quảng cáo và bản quyền nội dung số	28.517.622.656	-
Doanh thu thuần tài trợ và quảng cáo trên kênh truyền hình	12.088.919.900	-
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ và thương mại điện tử	15.810.909	14.764.339.803
TỔNG CỘNG	40.622.353.465	14.764.339.803

21 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày	
	31.03.2024 VND	31.03.2023 VND
Giá vốn quảng cáo và bản quyền nội dung số	6.991.984.165	-
Giá vốn tài trợ và quảng cáo trên kênh truyền hình	16.335.330.878	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ và thương mại điện tử	-	10.652.233.549
TỔNG CỘNG	23.327.315.043	10.652.233.549

22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày	
	31.03.2024 VND	31.03.2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.660.745.981	5.755.450.858

23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày	
	31.03.2024 VND	31.03.2023 VND
Chi phí lãi vay	3.073.959.002	3.369.787.201

24 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày	
	31.03.2024	31.03.2023
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.624.035.474	1.623.325.006
Chi phí nhân viên	10.415.866.680	3.393.244.527
Chi phí khấu hao TSCĐ	41.426.040	42.873.294
Khác	9.960.000	6.117.824
TỔNG CỘNG	21.091.288.194	5.065.560.651

25 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lỗ kế toán trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 20% như sau:

	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày	
	31.03.2024	31.03.2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	251.371.754	1.429.915.518
Thuế tính ở thuế suất 20% (*)	50.274.351	285.983.104
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	1.958.950	458.748
Lỗ tính thuế được sử dụng	(52.233.301)	(286.441.852)
Chi phí thuế TNDN (*)	-	-

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

26 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày	
	31.03.2024	31.03.2023
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.951.350.517	6.662.458.675
Chi phí nhân viên	10.415.866.680	9.006.344.407
Chi phí khấu hao TSCĐ	41.426.040	42.873.294
Khác	9.960.000	6.117.824
TỔNG CỘNG	44.418.603.237	15.717.794.200

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tập đoàn có giao dịch và số dư và giao dịch với các bên liên quan như sau:

Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	Công ty con
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	Công ty con
Công ty TNHH 1Production	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Công ty con
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Công ty con
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	Công ty con
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	Công ty con
Công ty TNHH Yeah1 Up	Công ty con
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Công ty con
	(đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Công ty TNHH STV Production	Công ty con
	(đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Công ty TNHH MTV Style TV	Công ty con gián tiếp
	(đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Công ty liên kết của công ty con
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH BigCat	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tstudio	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Đầu tư khác
	Đầu tư khác của công ty con
Công ty TNHH Tera Group	(đến ngày 14 tháng 3 năm 2024)

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Trong kỳ, Tập đoàn có giao dịch và số dư và giao dịch với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ
Bà Lê Phương Thảo Ông Đào Phúc Trí	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT") Phó chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023) Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023)
Ông Nguyễn Hoàng Giang Ông Đinh Hoài Nam Ông Trần Hoài Nam	Phó chủ tịch HĐQT Thành viên HĐQT Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2023)
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2023)
Ông Yam Kong Fatt Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 28 tháng 2 năm 2023)
Ông Lê Minh Nhật Tín	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Văn Nam Bà Lê Thị Bích Hằng Ông Vương Hồ Trí Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS") Thành viên BKS Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Bà Lê Thị Quỳnh	Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

		Kỳ 3 tháng kết thúc ngày	
		31.03.2024	31.03.2023
		VND	VND
<i>i)</i>	<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>		
	Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	4.411.059.739	-
	Công ty TNHH Tera Group	2.216.523.810	-
	Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	1.611.198.657	-
	Công ty TNHH Big Cat	360.673.263	-
	Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	9.090.909	27.272.727
	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	-	1.376.065.407
	Công ty TNHH Yeah1 Up	-	665.838.100
	TỔNG CỘNG	8.608.546.378	2.069.176.234
<i>ii)</i>	<i>Mua dịch vụ</i>		
	Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	2.210.809.524	-
<i>iii)</i>	<i>Tạm ứng</i>		
	Ông Đào Phúc Trí	-	10.427.802.068
	Bà Lê Phương Thảo	188.293.291	-
	Bà Ngô Thị Vân Hạnh	88.656.489	-
	Ông Chế Đoàn Viên	86.000.000	-
	TỔNG CỘNG	362.949.780	10.427.802.068
<i>iv)</i>	<i>Thu hồi tạm ứng</i>		
	Ông Đào Phúc Trí	5.362.846.180	10.412.384.591
	Bà Lê Phương Thảo	126.348.251	-
	Bà Ngô Thị Vân Hạnh	41.892.306	-
	Ông Chế Đoàn Viên	40.000.000	-
	TỔNG CỘNG	5.571.086.737	10.412.384.591

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		Kỳ 3 tháng kết thúc ngày	
		31.03.2024	31.03.2023
		VND	VND
v) Cho vay			
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	19.152.000.000	-	
Công ty TNHH Tera Group	17.560.000.000	-	
Công ty TNHH Yeah1 Up	1.925.000.000	8.000.000.000	
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	1.090.000.000	-	
Công ty TNHH 1Production	310.000.000	-	
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	-	900.000.000	
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	-	900.000.000	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	-	290.090.853	
TỔNG CỘNG	40.037.000.000	10.090.090.853	
vi) Thu hồi gốc cho vay			
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	10.050.000.000	-	
Công ty TNHH Tera Group	9.050.000.000	-	
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	3.930.000.000	-	
Công ty TNHH 1Production	1.795.000.000	-	
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	-	10.150.000.000	
Công ty TNHH Yeah1 Up	-	3.300.000.000	
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	-	1.967.991.758	
TỔNG CỘNG	24.825.000.000	15.417.991.758	
vii) Lãi cho vay			
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	1.002.878.961	-	
Công ty TNHH Tera Group	674.030.959	-	
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	374.747.194	370.629.092	
Công ty TNHH Yeah1 Up	156.347.684	56.515.067	
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	104.545.479	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	68.752.388	77.221.249	
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	44.809.584	-	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	24.345.618	651.616	
Công ty TNHH 1Production	18.009.658	-	
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	-	69.933.152	
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	-	28.165.982	
TỔNG CỘNG	2.468.467.525	603.116.158	

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		Kỳ 3 tháng kết thúc ngày	
		31.03.2024	31.03.2023
		VND	VND
viii) Thu hồi lãi cho vay			
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	-	61.950.686	
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	-	28.165.982	
	-		
TỔNG CỘNG	-	90.116.668	
	=		
ix) Đi vay			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	10.250.000.000	-	
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	3.400.000.000	-	
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	200.000.000	-	
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	-	56.813.842.260	
TỔNG CỘNG	13.850.000.000	56.813.842.260	
x) Trả gốc vay			
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	1.600.000.000	-	
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	1.150.000.000	-	
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	600.000.000	-	
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	342.808.874	-	
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	-	2.500.000.000	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	-	516.141.217	
TỔNG CỘNG	3.692.808.874	3.016.141.217	
xi) Lãi vay			
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	1.107.097.868	62.314.530	
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	274.632.942	-	
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	36.476.712	-	
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	11.161.644	-	
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	10.413.698	-	
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	8.678.230	-	
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	-	227.391.781	
Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam	-	37.859.537	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	-	5.228.754	
TỔNG CỘNG	1.448.461.094	332.794.602	

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		Kỳ 3 tháng kết thúc ngày		
		31.03.2024	31.03.2023	
		VND	VND	
xii)	Trả lãi vay			
	Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	63.661.644	-	
	Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	-	45.767.930	
	TỔNG CỘNG	63.661.644	45.767.930	
xiii)	Góp vốn			
	Công ty TNHH Adlink Network	1.960.000.000	40.000.000	
	Công ty TNHH 1Talent	1.880.000.000	120.000.000	
	Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	252.000.000	-	
	TỔNG CỘNG	4.092.000.000	160.000.000	
xiv)	Các khoản chi cho nhân sự quản lý chủ chốt			
STT	Họ và tên	Chức danh	31.03.2024	31.03.2023
			VND	VND
I	Thù lao thành viên HĐQT			
1	Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT	-	-
2	Đào Phúc Trí	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-
3	Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-
4	Đình Hoài Nam	Thành viên HĐQT	-	-
5	Kim Min Soo	Thành viên HĐQT	-	-
	TỔNG CỘNG		-	-
II	Tiền lương của Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác			
1	Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng giám đốc	750.000.000	
2	Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám Đốc	354.435.900	
3	Kim Min Soo	Phó Tổng Giám Đốc	-	
4	Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám Đốc	-	
5	Đào Phúc Trí	Tổng giám đốc (đã miễn nhiệm)	-	849.669.000
6	Lê Phương Thảo	Phó Tổng Giám Đốc (đã miễn nhiệm)	-	502.449.000
7	Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám Đốc (đã miễn nhiệm)	-	123.981.550
	TỔNG CỘNG		1.104.435.900	1.476.099.550

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan**

	31.03.2024	31.12.2023
	VND	VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	12.398.476.190	-
Công ty TNHH Yeah1 Up	1.795.976.549	2.375.535.228
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	1.154.383.491	1.154.383.491
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	523.907.131	523.907.131
Công ty Cổ phần Tstudio	387.340.148	387.340.148
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	336.152.510	312.731.367
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	127.661.132	6.467.782.550
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	100.000.000	90.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	32.397.534	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	18.367.670	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	8.293.562	-
Công ty TNHH 1Production	2.229.452	-
TỔNG CỘNG	16.885.185.370	11.311.679.915
ii) Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 6(a))		
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	20.663.836.000	20.663.836.000
Công ty TNHH Yeah1 Up	7.941.000.000	2.880.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	250.000.000	500.000.000
TỔNG CỘNG	28.854.836.000	24.043.836.000
iii) Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh 6(b))		
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	2.540.000.000	1.450.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	3.309.688.358	3.309.688.358
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Care	930.000.000	930.000.000
Công ty TNHH 1Production	250.000.000	1.735.000.000
Công ty TNHH Yeah1 Up	-	3.136.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	-	3.680.000.000
TỔNG CỘNG	7.029.688.358	14.240.688.358

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan (tiếp theo)**

	31.03.2024 VND	31.12.2023 VND
iv) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7(a))		
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	3.570.137.224	3.323.051.162
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	1.080.000.000	37.964.381
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	703.468.157	658.136.912
Công ty TNHH Yeah1 Up	364.076.106	264.884.189
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	327.311.706	255.163.761
Bà Lê Phương Thảo	61.942.030	-
Công ty TNHH 1Production	61.854.041	59.709.040
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	59.852.733	33.410.819
Ông Chế Đoàn Viên	52.522.276	6.522.276
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	50.382.616	34.330.560
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	46.764.183	-
Công ty TNHH Big Cat	1.610.959	1.610.959
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	215.753	215.753
TỔNG CỘNG	6.380.137.784	4.674.999.812
v) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 12)		
Công ty TNHH Big Cat	1.090.759.876	2.270.759.876
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	22.000.000	-
TỔNG CỘNG	1.112.759.876	2.270.759.876
vi) Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh 13)		
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	16.708.702.113	21.310.867.823
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	5.413.113.425	-
Công ty TNHH Big Cat	2.909.356.730	3.306.097.320
TỔNG CỘNG	25.031.172.268	24.616.965.143
vii) Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 15)		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	2.014.531.800	2.014.531.800
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	377.143.230	-
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	11.161.644	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	1.150.685	-
TỔNG CỘNG	2.403.987.359	2.014.531.800

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan (tiếp theo)**

	31.03.2024 VND	31.12.2023 VND
viii) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 16)		
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	3.357.113.762	2.627.159.124
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	282.797.421	9.315.164
Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam	192.242.316	192.242.316
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	36.476.712	63.661.644
Ông Đào Phúc Trí	34.938.054	-
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	17.778.081	7.364.383
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	4.660.274	4.660.274
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	2.761.255	13.705.730
TỔNG CỘNG	3.928.767.875	2.918.108.635
ix) Vay ngắn hạn (Thuyết minh 17(a))		
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	15.600.000.000	5.950.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	1.150.000.000	2.300.000.000
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	1.800.000.000	-
Công ty TNHH Vietnam Music Award	700.000.000	200.000.000
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	500.000.000	300.000.000
TỔNG CỘNG	19.750.000.000	8.750.000.000
x) Vay dài hạn (Thuyết minh 17(b))		
Công ty Cổ Phần Giải trí Yeah1	54.603.842.260	54.603.842.260
Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam	1.919.268.183	1.919.268.183
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	-	342.808.874
TỔNG CỘNG	56.523.110.443	56.865.919.317

28 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**(a) Thành lập mới Công ty Cổ phần 1Social**

Vào ngày 23 tháng 4 năm 2024, Tập đoàn ban hành quyết định số 196/2404/QĐ/CSH/YEG thông qua việc Công ty TNHH 1Talents góp vốn thành lập mới Công ty Cổ phần 1Social ("1Social") với vốn điều lệ 1.000.000.000 đồng. Thông qua việc thành lập này, 1Labels trở thành công ty liên kết của Tập đoàn với tỉ lệ sở hữu 49,00% trên vốn chủ sở hữu.

(b) Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, HĐQT Tập đoàn đã ban hành Nghị quyết HĐQT số 188/2404/NQ/HĐQT/YEG thông qua việc nhận chuyển nhượng thêm 16% cổ phần của Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam ("Netlink"). Sau khi hoàn tất chuyển nhượng, Netlink sẽ trở thành công ty con trực tiếp của Tập đoàn với tỉ lệ sở hữu 51% trên vốn chủ sở hữu.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tập đoàn đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 25 tháng 04 năm 2024.



Lưu Anh Khoa
Người lập

Nguyễn Thị Khánh Trang
Kế toán trưởng

Chế Đoàn Viên
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 04 năm 2024